

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ CAM RANH
TỈNH KHÁNH HÒA

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-ST

Ngày: 11/4/2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
cầm cố tài sản”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAM RANH - TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Hoat

2. Bà Phan Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh: Bà Bùi Thị
Phương Thanh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh, tỉnh Khánh Hòa mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 240/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 3 năm 2025 và **quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2025/QĐST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2025**, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S; trụ sở chính: Số A đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật: Ông SOMYOT NGERNDAMRONG, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị và ông KANOKWATPAISAL NAPAT, chức danh: Giám đốc (Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp 2901807716 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh N cấp đăng ký lần đầu ngày 24/11/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 10/12/2024);

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1981 - Chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Địa chỉ: 8 H, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa (Theo giấy ủy quyền số 96/2024/UQ-SVN ngày 01/5/2024; của Công ty Cổ phần S có ngay) (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn H, xã C, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay là ông Phạm Thanh T trình bày:

Ngày 17/3/2023, bà Nguyễn Thị Hồng P có cầm cố tài sản với Công ty Cổ phần S, trước đây là công ty S1 (Viết tắt là Công ty) theo Hợp đồng cầm cố, phụ lục hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe; nội dung:

1. Tài sản cầm cố: 01 (Một) xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu YAMAHA, biển số xe 79C1-657.15, số khung: RLCUE3702MY084552, số máy: E32VE461062, giấy chứng nhận đăng ký số 79004294 do Công an thành phố C cấp ngày 23/11/2021.

2. Hợp đồng cầm cố có nội dung như sau:

2.1. Số tiền cầm cố, thời hạn và mục đích cầm cố

- Số tiền cầm cố: 8.800.000 đồng (Tám triệu tám trăm nghìn đồng).

- Thời hạn cầm cố: 12 tháng.

- Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh.

- Ngày giải ngân: 17/3/2023.

2.2. Lãi suất cầm cố và các khoản phí được hai bên thỏa thuận:

- Lãi suất cầm cố: 1.1%/tháng.

- Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn.

- Phí quản lý hồ sơ: 0.5%/tháng.

- Phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản: 264.000 đồng/tháng.

- Phí phạt vi phạm kỳ hạn trả nợ trên dư nợ thực tế chưa đến hạn.

3. Hợp đồng giấy mượn xe có nội dung như sau: Do không có phương tiện đi lại để phục vụ công việc cá nhân, ngày 17/3/2023, bà Nguyễn Thị Hồng P đã có đơn gửi Công ty - Chi nhánh N xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo nội dung giấy mượn xe. Thời hạn mượn xe là 01 tháng từ ngày

17/3/2023 đến ngày 17/4/2023. Công ty đã đồng ý cho bà P mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và giấy mượn xe, giấy tờ khác liên quan. Bà P có cam kết rõ ràng trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận theo yêu cầu từ Công ty”.

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty đã giải ngân cho khách hàng số tiền 8.800.000 đồng theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố số CHM230301001NA21X ký ngày 17/3/2023. Bà P chưa thanh toán cho Công ty khoản nào.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố bà P đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty. Công ty đã nhiều lần làm việc và gửi thông báo nhắc nhở tạo điều kiện cho bà P có thời gian thu xếp trả nợ nhưng bà P vẫn không thực hiện.

Tại đơn ngày 08/4/2025 và tại phiên tòa, ông Phạm Thanh T là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện: Rút một phần yêu cầu: không yêu cầu kê biên xử lý tài sản cầm cố là xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu YAMAHA, biển số xe 79C1-657.15; rút yêu cầu đối với số tiền phí quản lý hồ sơ và phí phạt vi phạm hợp đồng.

Yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm tính đến ngày 11/4/2025 là 15.284.000 (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn) đồng (Trong đó: Tiền gốc 8.800.000 đồng, tiền lãi trong hạn 647.499 đồng, tiền lãi quá hạn 2.668.733 đồng; phí mượn xe 3.168.000 đồng). Ngoài ra bà P còn phải chịu lãi suất, lãi quá hạn, các loại phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã được ký kết sau ngày 11/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

- *Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P:* đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng tham gia giải quyết vụ án nhưng vắng mặt không lý do, không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cam Ranh phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: Bị đơn phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P cư trú tại thành phố C, tỉnh Khánh Hòa trả số tiền theo hợp đồng cầm cố số CHM230301001NA20X ngày 17/3/2023. Căn cứ Điều 309 Bộ luật dân sự 2015 và khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tranh chấp dân sự về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cam Ranh.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[1.3] Người đại diện theo ủy quyền của Công ty có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu Tòa án kê biên, xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe YAMAHA, biển số xe 79C1-657.15, số khung: RLCUE3702MY084552, số máy: E32VE461062, giấy chứng nhận đăng ký số 79004294 do Công an thành phố C cấp ngày 23/11/2021 và rút yêu cầu đối với số tiền phí quản lý hồ sơ; phí phạt vi phạm hợp đồng. Xét thấy việc rút yêu cầu trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ yêu cầu này.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 17/3/2023, Công ty và bà Nguyễn Thị Hồng P ký kết Hợp đồng cầm cố số CHM230301001NA21X, theo đó bà P cầm cố tài sản là xe mô tô hai bánh, nhãn hiệu YAMAHA, biển số xe 79C1-657.15, số khung: RLCUE3702MY084552, số máy: E32VE461062, giấy chứng nhận đăng ký số 79004294 do Công an thành phố C cấp ngày 23/11/2021, để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ đối với số tiền cầm cố 8.800.000 đồng; thời hạn cầm cố là 12 tháng, kể từ ngày 17/3/2023 đến ngày 17/3/2024; lãi suất là 1,1%/ tháng; lãi quá hạn 150% lãi suất trong hạn; phí bảo quản hồ sơ là 0.5%/tháng; phí bảo dưỡng và hao mòn xe khi mượn tài sản là 264.000 đồng/tháng. Do bà P vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty yêu cầu

Tòa án giải quyết buộc bà P phải thanh toán cho Công ty số tiền tạm tính đến ngày 11/4/2025 là 15.284.000 đồng. Trong đó: Tiền gốc 8.800.000 đồng; tiền lãi trong hạn 647.499 đồng ; tiền lãi quá hạn 2.669.000 đồng ; phí mượn xe 3.168.000 đồng. Ngoài ra, bà P còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 12/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Tính hợp pháp của hợp đồng cầm cố: Tại thời điểm giao dịch các bên có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự, các bên giao kết hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Căn cứ Điều 117 Bộ luật Dân sự hợp đồng cầm cố đảm bảo điều kiện có hiệu lực của hợp đồng và căn cứ Điều 309, 310 Bộ luật Dân sự thì hợp đồng cầm cố có hiệu lực từ thời điểm giao kết. Như vậy, hợp đồng cầm cố đang tranh chấp giữa các đương sự là hợp pháp và có hiệu lực từ thời điểm ký kết ngày 17/3/2023.

[2.2] Quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố và việc giao nhận tiền: Ngày 17/3/2023 Công ty có giải ngân cho bà P nhận số tiền 8.800.000 đồng. Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố, bà P không thanh toán cho Công ty khoản vay nào, nên việc Công ty khởi kiện yêu cầu bà P phải có trách nhiệm trả số tiền còn nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phí mượn xe tạm tính đến ngày 11/4/2025 tổng cộng **15.284.000** đồng là có căn cứ và phù hợp nên chấp nhận.

[2.3] Yêu cầu về tính tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phí mượn xe: Căn cứ Hợp đồng cầm cố ngày 17/3/2023, lãi suất hai bên thỏa thuận trong hạn cố định là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, phí mượn xe là 264.000 đồng/tháng; đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các bên và không trái với quy định pháp luật nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi, phí mượn xe theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe là có căn cứ phù hợp nên chấp nhận. Tạm tính đến ngày 11/4/2025.

[2.4] Yêu cầu tiếp tục tính lãi: Nguyên đơn yêu cầu bà P phải có nghĩa vụ tiếp tục trả lãi với lãi suất theo Hợp đồng cầm cố đã ký kể từ ngày 12/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ. Xét thấy, yêu cầu tiếp tục tính lãi của nguyên đơn là phù hợp với Hợp đồng cầm cố ký ngày 17/3/2023 và không trái pháp luật, nên chấp nhận.

[3] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn,

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228, 244, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 280, Điều 309, Điều 314 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Buộc bà Nguyễn Thị Hồng P trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay tổng số tiền tính đến ngày 11/4/2025 là: **15.284.000** (Mười lăm triệu hai trăm tám mươi bốn nghìn) đồng; trong đó tiền gốc là: 8.800.000 đồng; tiền lãi trong hạn: 647.499 đồng; tiền lãi quá hạn 2.668.733 đồng; phí mượn xe 3.168.000 đồng. Bà P còn tiếp tục phải chịu lãi suất, lãi quá hạn, các loại phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã được ký kết sau ngày 11/4/2025 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Kể từ ngày 12/4/2025 cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Hồng P còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền gốc còn nợ theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng cầm cố số CHM230301001NA21X được ký giữa các bên ngày 17/3/2023 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Đình chỉ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với: yêu cầu Tòa án kê biên, xử lý tài sản cầm cố là chiếc xe nhãn hiệu YAMAHA, biển số xe 79C1-657.15, số khung: RLCUE3702MY084552, số máy: E32VE461062, giấy chứng nhận đăng ký số 79004294 do Công an thành phố C cấp ngày 23/11/2021 và yêu cầu đối với số tiền phí quản lý hồ sơ; phí phạt vi phạm hợp đồng.

3. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Hồng P phải nộp 764.211 (Bảy trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm mười một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay 436.000 (Bốn trăm ba mươi sáu nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0005006 ngày 21/11/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cam Ranh.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Quy định:

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP. Cam Ranh;
- THADS TP. Cam Ranh
- Dương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thúy Nga